

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-12-2020

“Tranh chấp về ly hôn và
yêu cầu nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;

2. Ông Nguyễn Thành Thật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 216/2020/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 7 năm 2020 về việc: “Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thị Kim S, sinh năm 1990 (có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Thái Văn L, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/5/2020, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thị Kim S trình bày:

Vào năm 2010, sau thời gian tự tìm hiểu, chị và anh Thái Văn L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn trễ hạn vào ngày 12/7/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Vợ chồng chị sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, anh L không lo làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cự cãi làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay, chị nhận thấy hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau nên chị yêu cầu ly hôn.

Thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Thái Thanh L, sinh ngày 09/8/2011, hiện nay đang sống chung với chị.

Tài sản chung, nợ chung: Chị S xác định không có.

Tại phiên tòa, chị Thị Kim S yêu cầu ly hôn với anh Thái Văn L; Về con chung, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung, không có nên chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Thái Văn L không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh L không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của anh.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận cho chị Thị Kim S được ly hôn với anh Thái Văn L; Về con chung: Giao con chung tên Thái Thanh L, sinh ngày 09/8/2011 cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Về tài sản chung và nợ chung: Chị S xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên chị Thị Kim S khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Thái Văn L được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Anh Thái Văn L với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Thị Kim S và anh Thái Văn L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 130/2011, ngày 12 tháng 7 năm 2011, như vậy, hôn nhân của chị S và anh L là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng: Dù hôn nhân của chị S và anh L là hôn nhân tự nguyện nhưng sau thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không tự giải quyết được, chị S cho rằng vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cự cãi, anh L không lo làm ăn, không quan tâm, lo lắng cho gia đình. Đối với anh Thái Văn L, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tổng đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để tạo điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng anh L đều không có mặt.

Tại phiên tòa, chị S khai rõ trong suốt thời gian ly thân, vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau, bản thân chị thì không còn tình cảm dành cho chồng và chị S cũng tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn với anh L. HĐXX thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng của chị S và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S là phù hợp.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị S xác định, chị và anh L có 01 con chung tên Thái Thanh L, sinh ngày 09/8/2011, hiện nay, cháu L đang sống cùng với chị S nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Quá trình giải quyết vụ kiện, anh L không có ý kiến và yêu cầu gì đối với yêu cầu được nuôi con chung của chị S nên Hội đồng xét xử không thể xem xét nguyện vọng của anh L.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị S, HĐXX thấy rằng, từ khi ly thân đến nay do một mình chị S chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu L cũng được phát triển bình thường như những đứa trẻ khác. Đồng thời, cháu L cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị S. Vì vậy, cần thiết giao cháu L cho chị S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế, đúng với nguyện vọng của cháu L và đúng theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị S không yêu cầu cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị S xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí ly hôn bằng 300.000 đồng, chị Thị Kim S phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thị Kim S được ly hôn với anh Thái Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Thái Thanh L, sinh ngày 09/8/2011 cho chị Thị Kim S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Thái Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền tới lui thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này.

Khi cần thiết anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Thị Kim S phải nộp án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005092, ngày 07/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Thị Kim S đã nộp xong án phí.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/12/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thành Nghè